CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va

Ngày 30/06/2025	15,150 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.7%	**47.1%**	**45.7%**

DT thuần
Q2/25
1,937
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 159| 8.9%
YoY: ▲ 350| 22.0%

LN thuần
Q2/25
-418
tỷ VNĐ
QoQ: ▼558| -398%
YoY: ▲ 4,196| 90.9%

LN sau thuế
Q2/25
-190
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 286| 60.1%
YoY: ▲ 6,536| 97.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-5.4%
YoY: +/-▼ 0.8%

ROE (TTM)
Q2/25
0.5%
YoY: +/-▲ 14.0%

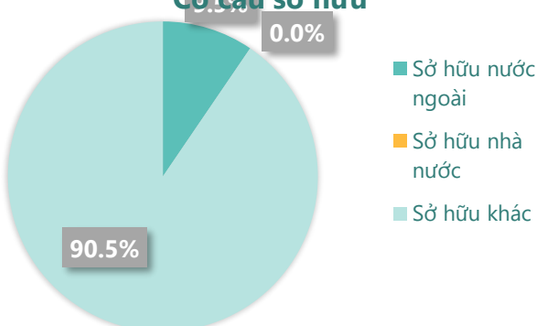
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,100 - 15,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	29,544
Số lượng CPLH (CP)	1,950,104,538
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,907,135
Sở hữu nước ngoài	9.5%
Beta	1.02
EPS	107
P/E	141.5

DT thuần
6T 2025
3,715
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,430| 62.6%

LN thuần
6T 2025
-278
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4,657| 94.4%

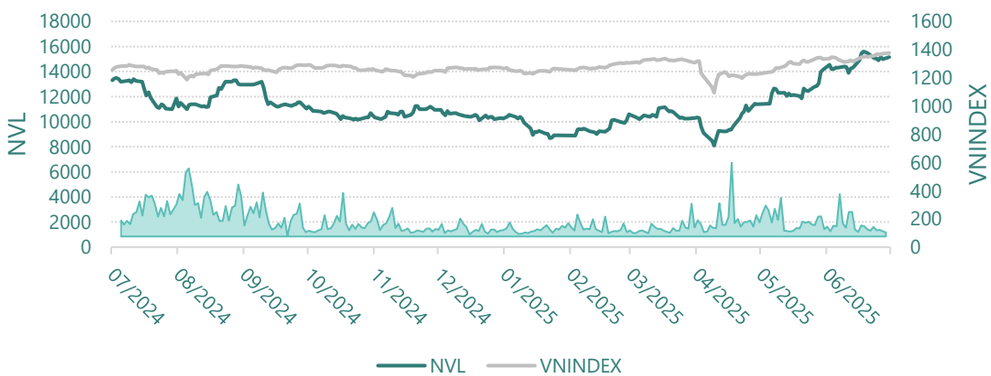
LN sau thuế
6T 2025
-666
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6,661| 90.9%

Cơ cấu sở hữu

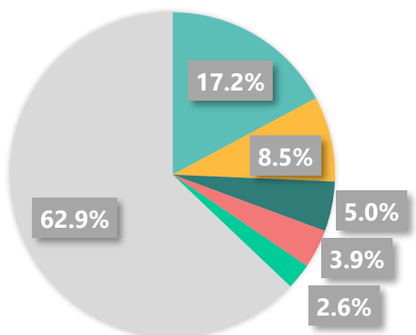


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

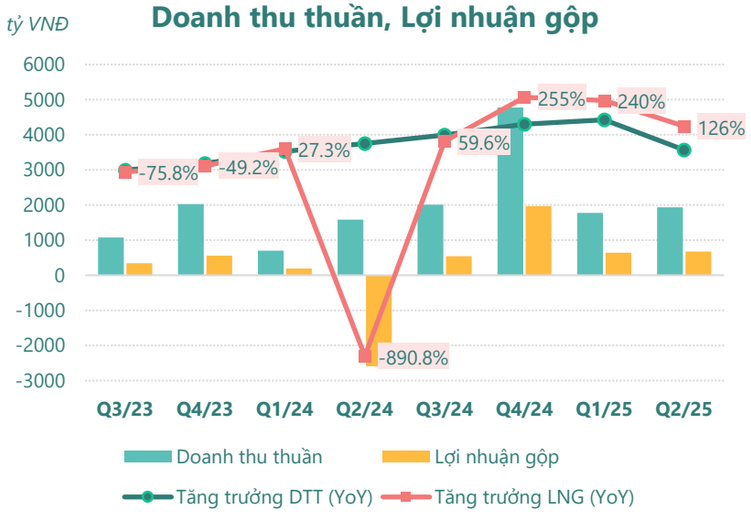


- CTCP Novagroup
- CTCP Diamond Properties
- Bùi Thành Nhơn (Chủ tịch HĐQT)
- Bùi Cao Nhật Quân
- Cao Thị Ngọc Sương
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

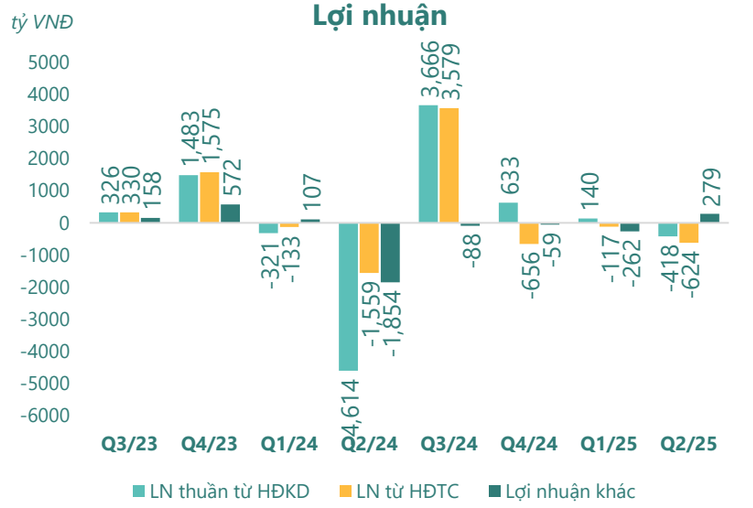
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



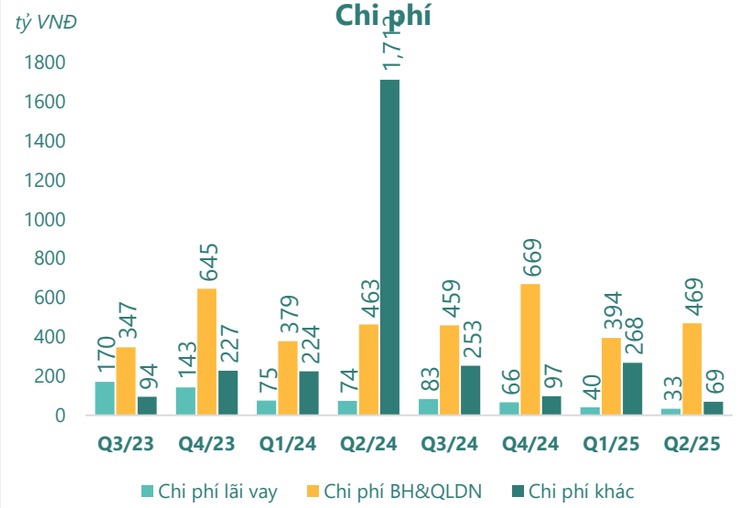
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



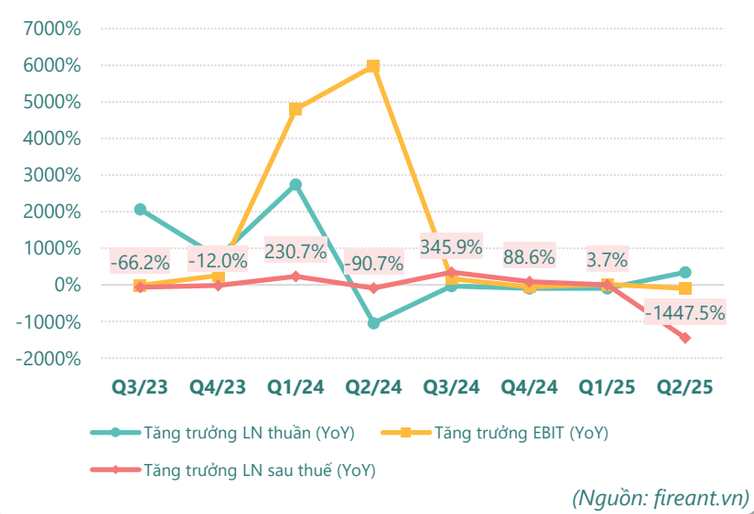
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



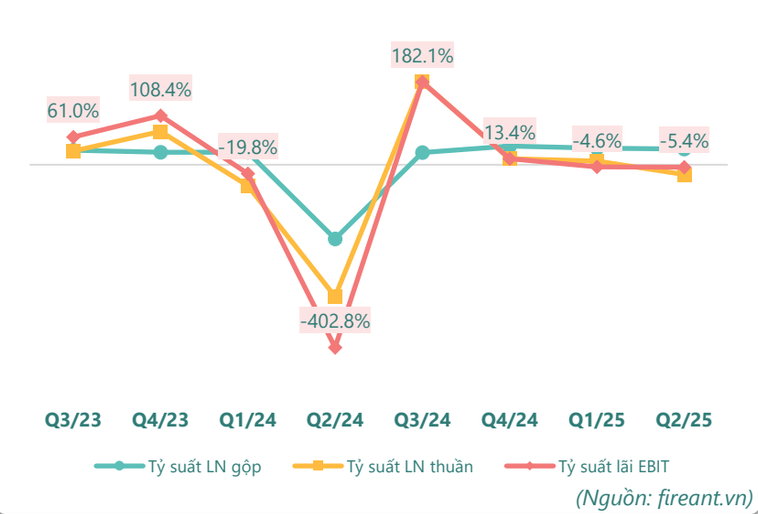
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



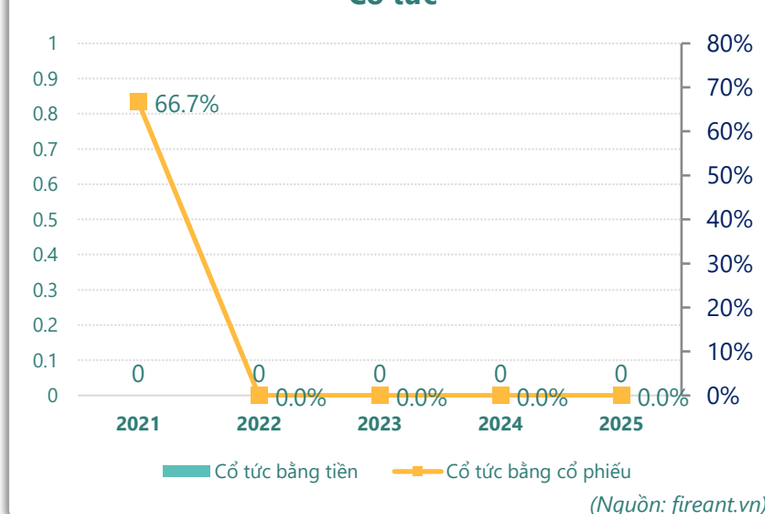
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

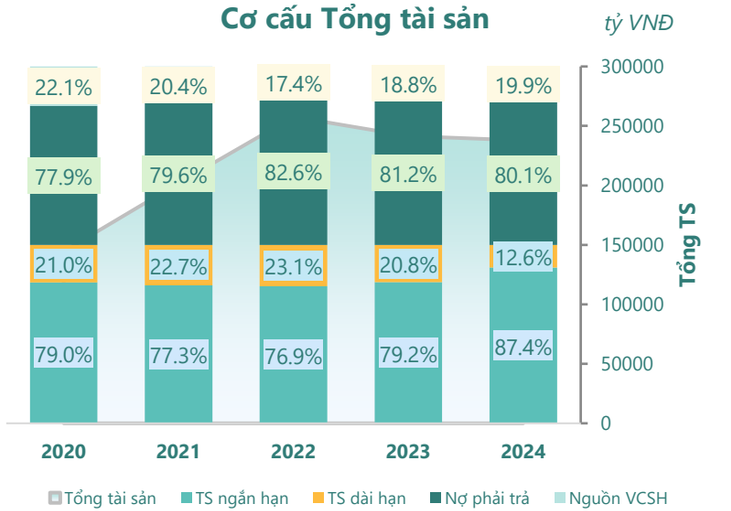
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

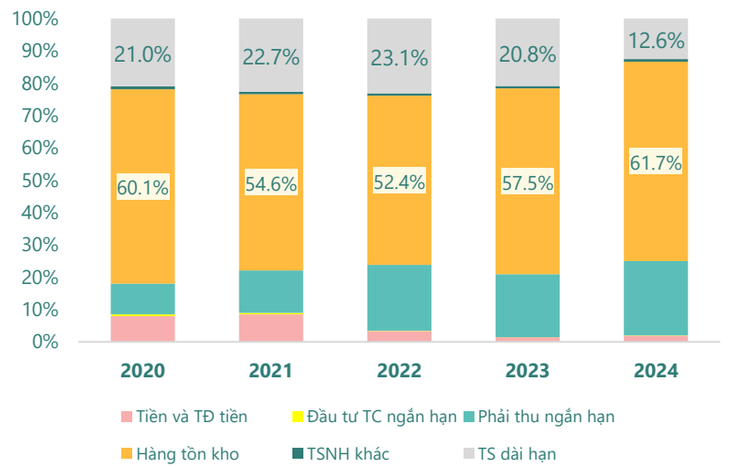
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



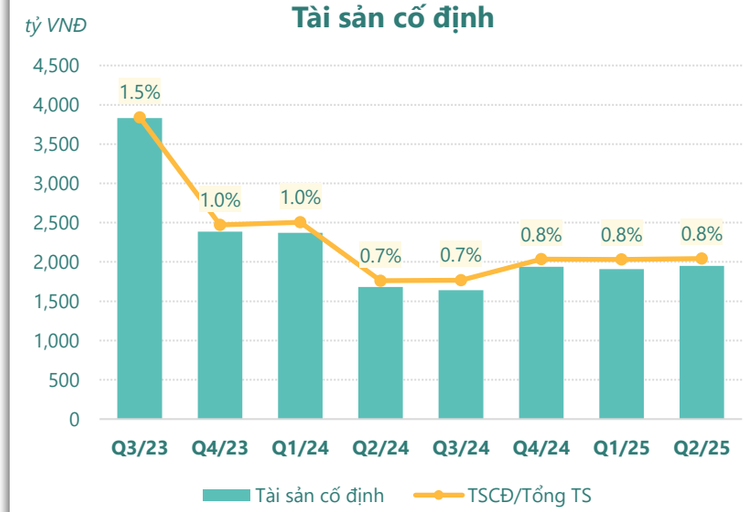
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



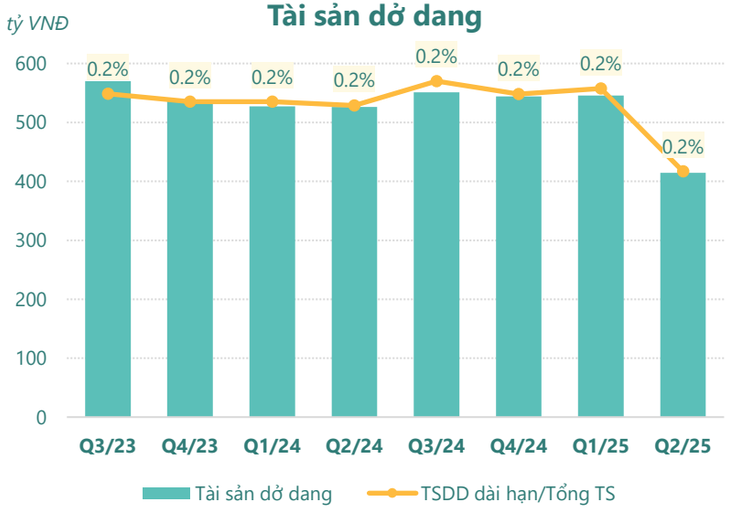
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



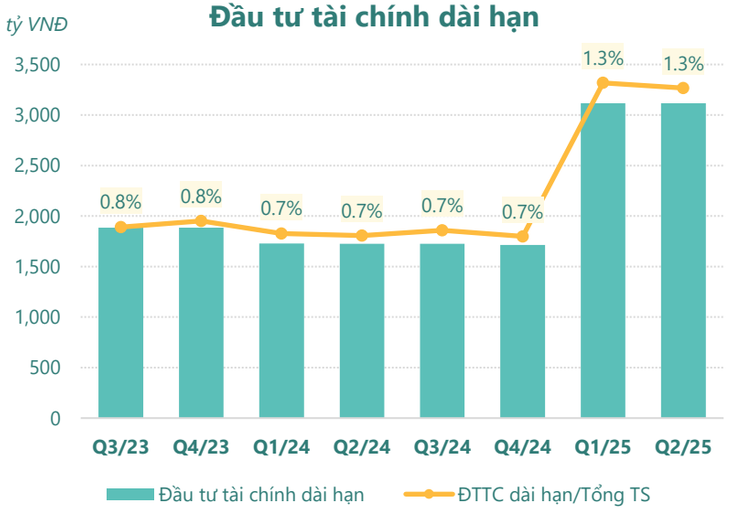
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



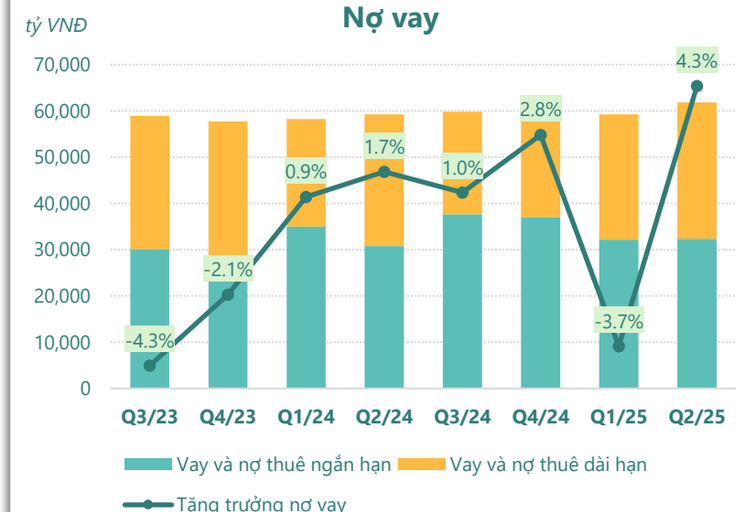
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

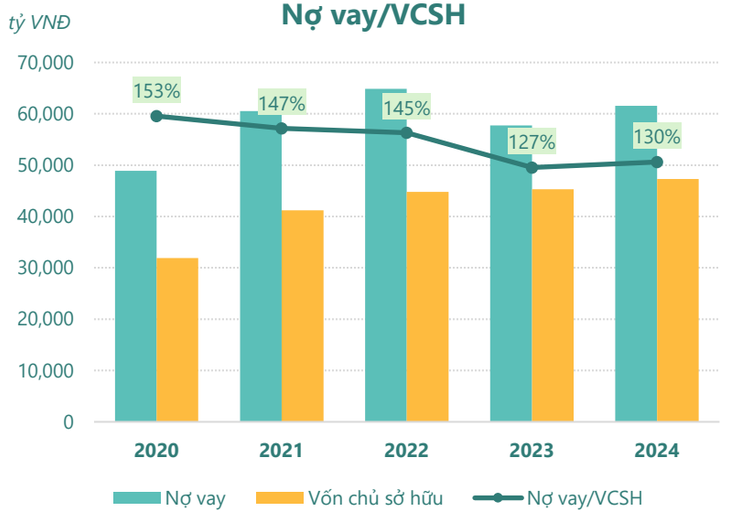
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

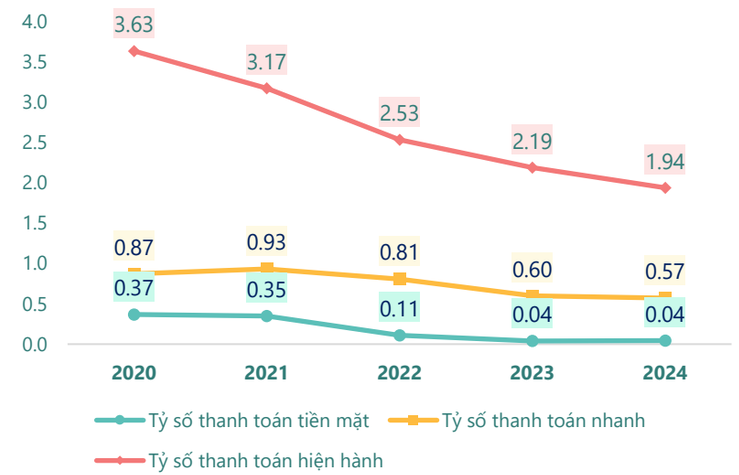
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



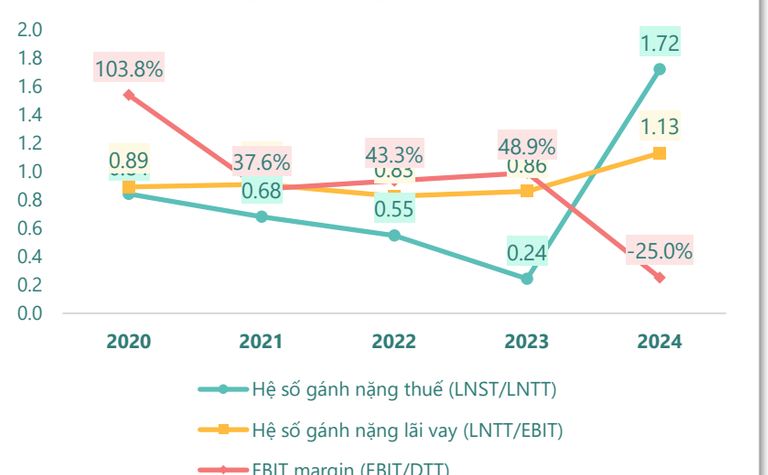
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



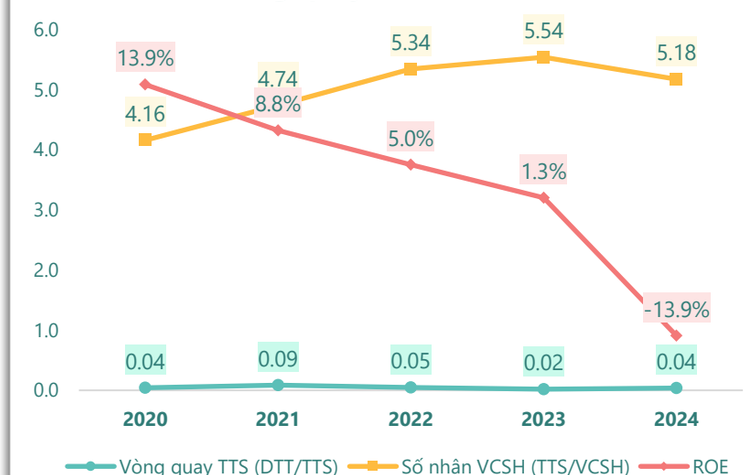
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



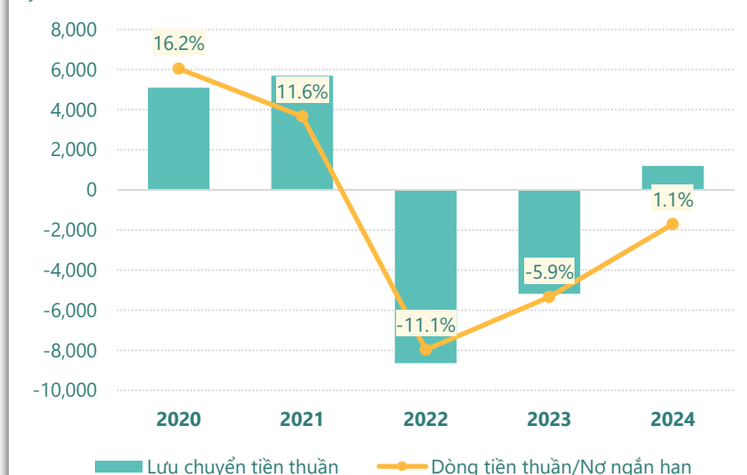
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,937**	**1,587**	**22.0%**	**3,715**	**2,285**	**62.6%**
Giá vốn hàng bán	1,263	4,180	-69.8%	2,396	4,688	-48.9%
Lợi nhuận gộp	673	-2,593	126%	1,319	-2,403	155%
Doanh thu HĐTC	512	805	-36.4%	1,028	1,445	-28.9%
Chi phí TC	1,136	2,364	-52.0%	1,769	3,137	-43.6%
Chi phí lãi vay	33.1	74.0	-55.2%	73.2	149	-51.0%
LN trong công ty LKLD	**1.16**	**1.10**	**5.7%**	**6.46**	**2.10**	**207%**
Chi phí bán hàng	155	87.9	75.9%	246	142	73.2%
Chi phí QLDN	**314**	**375**	**-16.2%**	**618**	**700**	**-11.8%**
LN thuần từ HĐKD	-418	-4,614	90.9%	-278	-4,935	94.4%
Lợi nhuận khác	**279**	**-1,854**	**115%**	**17.5**	**-1,746**	**101%**
LN trước thuế	-138	-6,468	97.9%	-261	-6,682	96.1%
Lợi nhuận sau thuế	**-190**	**-6,726**	**97.2%**	**-666**	**-7,327**	**90.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-127**	**-6,657**	**98.1%**	**-604**	**-7,224**	**91.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2,507	-1,619	-1,904	93.4	-836	-6,620
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2,077	51.1	2,482	-400	4,822	2,699
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	157	575	1,097	1,095	-2,510	2,143
Tiền đầu kỳ	3,413	3,139	2,145	3,820	4,608	6,084
Lưu chuyển tiền thuần	**-274**	**-994**	**1,675**	**788**	**1,477**	**-1,778**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	3,139	2,145	3,820	4,608	6,084	4,306

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**238,619**	**237,778**	**0.4%**
Tài sản ngắn hạn	203,376	207,831	-2.1%
Tiền và tương đương tiền	4,306	4,608	-6.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	43.7	31.3	39.8%
Phải thu ngắn hạn	46,874	54,813	-14.5%
Hàng tồn kho	150,113	146,607	2.4%
Tài sản ngắn hạn khác	2,040	1,771	15.2%
Tài sản dài hạn	**35,243**	**29,947**	**17.7%**
Phải thu dài hạn	20,592	15,901	29.5%
Tài sản cố định	1,950	1,938	0.6%
Bất động sản đầu tư	5,526	5,737	-3.7%
Tài sản dở dang	414	544	-23.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	3,117	1,709	82.4%
Tài sản dài hạn khác	**1,658**	**1,642**	**1.0%**
Lợi thế thương mại	1,987	2,476	-19.8%
Nợ phải trả	186,651	190,487	-2.0%
Nợ ngắn hạn	**103,476**	**107,222**	**-3.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	32,321	36,978	-12.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	8,013	8,467	-5.4%
Nợ dài hạn	83,175	83,265	-0.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	29,510	24,588	20.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**51,968**	**47,291**	**9.9%**
Vốn chủ sở hữu	**51,968**	**47,291**	**9.9%**
Vốn điều lệ	19,501	19,501	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)